



Nuó wēi

挪威

proper noun (place) · Norway

Example Sentences

Nuó wēi de xiá wān fēng jǐng fēi cháng měi lì
挪威的峡湾风景非常美丽。

The fjord scenery in Norway is very beautiful.

Tā qù nián qù Nuó wēi lǚ xíng kàn dào le jí guāng
他去年去挪威旅行，看到了极光。

He traveled to Norway last year and saw the aurora.

Trace each character, then write the word on your own.

挪	挪	挪	挪	挪	挪	挪	挪	挪	挪	挪
挪										
威	威	威	威	威	威	威	威	威	威	威
威										